

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**BỘ THÔNG TIN VÀ
TRUYỀN THÔNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 09/2009/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2009

THÔNG TƯ**quy định về kiểm định và công bố sự phù hợp đối với công trình
kỹ thuật chuyên ngành viễn thông****BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG***Căn cứ Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn
kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;**Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa
học và Công nghệ,**Căn cứ Pháp lệnh bưu chính, viễn
thông ngày 25 tháng 5 năm 2002;**Căn cứ Nghị định số 160/2004/
NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2004 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một
số điều của Pháp lệnh bưu chính, viễn
thông về Viễn thông;**Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP
ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ
quy định chi tiết thi hành một số điều của
Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;**Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP
ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính
phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền
hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin
và Truyền thông;***QUY ĐỊNH:****Chương I**
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh và đối tượng
áp dụng1. Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này
điều chỉnh các hoạt động về kiểm định;
công bố sự phù hợp đối với công trình kỹ
thuật chuyên ngành viễn thông.Việc quản lý đầu tư, xây dựng công
trình kỹ thuật chuyên ngành viễn thông
được thực hiện theo các quy định của
pháp luật có liên quan.2. Đối tượng áp dụng: Thông tư này
áp dụng đối với chủ đầu tư, chủ sở hữu,

chủ quản lý sử dụng công trình kỹ thuật chuyên ngành viễn thông (sau đây gọi chung là doanh nghiệp).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công trình kỹ thuật chuyên ngành viễn thông (sau đây gọi là công trình viễn thông) là tập hợp các thiết bị, hệ thống thiết bị viễn thông liên kết với nhau theo thiết kế và nguồn điện, hệ thống chống sét, tiếp đất; linh kiện, phụ kiện kèm theo.

2. Thiết bị viễn thông là các phương tiện kỹ thuật, bao gồm phần cứng và phần mềm được dùng để thiết lập mạng viễn thông, cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông.

3. Hệ thống thiết bị viễn thông là tập hợp các thiết bị viễn thông kết nối với nhau để đáp ứng những yêu cầu của mạng viễn thông.

4. Kiểm định công trình viễn thông là hoạt động đo kiểm và chứng nhận công trình viễn thông phù hợp với yêu cầu của các quy chuẩn kỹ thuật do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành hoặc tiêu chuẩn do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định bắt buộc áp dụng (sau đây gọi là quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn).

5. Công bố sự phù hợp đối với công trình viễn thông là hoạt động công bố

sự phù hợp theo quy định trong các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn tương ứng đối với công trình viễn thông bắt buộc phải kiểm định và công trình viễn thông phải công bố sự phù hợp.

Công trình viễn thông bắt buộc kiểm định và công trình viễn thông bắt buộc công bố sự phù hợp là các công trình viễn thông khi đưa vào sử dụng có thể làm ảnh hưởng đến an toàn, lợi ích của cộng đồng.

Điều 3. Cơ quan quản lý nhà nước về kiểm định và công bố sự phù hợp đối với công trình viễn thông

1. Cục Quản lý chất lượng Công nghệ thông tin và Truyền thông thực thi nhiệm vụ quản lý nhà nước về kiểm định và công bố sự phù hợp đối với công trình viễn thông trong phạm vi cả nước theo Thông tư này và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Cục Quản lý chất lượng Công nghệ thông tin và Truyền thông thực thi nhiệm vụ quản lý nhà nước về kiểm định và công bố sự phù hợp đối với công trình viễn thông trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý.

Điều 4. Tổ chức kiểm định công trình viễn thông

Tổ chức kiểm định công trình viễn thông (sau đây gọi là Tổ chức kiểm định)

là đơn vị sự nghiệp hoạt động dịch vụ kỹ thuật và được Bộ Thông tin và Truyền thông giao trách nhiệm kiểm định công trình viễn thông.

Điều 5. Đơn vị đo kiểm công trình viễn thông

1. Đơn vị đo kiểm công trình viễn thông (sau đây gọi là đơn vị đo kiểm) là đơn vị được thành lập theo quy định của pháp luật, có năng lực thực hiện được việc đo kiểm phục vụ hoạt động kiểm định và công bố sự phù hợp đối với công trình viễn thông theo quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành hoặc quy định bắt buộc áp dụng.

2. Đơn vị đo kiểm phục vụ hoạt động kiểm định là các đơn vị đo kiểm được Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ định.

3. Đơn vị đo kiểm phục vụ hoạt động công bố sự phù hợp là các đơn vị đo kiểm được Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ định hoặc các đơn vị đo kiểm đáp ứng khoản 1 Điều này.

4. Đơn vị đo kiểm phải chịu trách nhiệm trước cơ quan có thẩm quyền và trước pháp luật về tính chính xác của các kết quả đo kiểm.

Điều 6. Danh mục các công trình viễn thông và hình thức quản lý

1. Theo từng thời kỳ, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành “Danh mục công trình viễn thông bắt buộc kiểm định” và “Danh mục công trình viễn thông bắt buộc công bố sự phù hợp” phù hợp với chính sách của Nhà nước và thực tế phát triển cơ sở hạ tầng chuyên ngành viễn thông.

2. Đối với công trình viễn thông thuộc “Danh mục công trình viễn thông bắt buộc kiểm định”, doanh nghiệp phải thực hiện kiểm định theo quy định tại Mục 1 Chương II và công bố sự phù hợp theo quy định tại Mục 2 Chương II của Thông tư này.

3. Đối với công trình viễn thông thuộc “Danh mục công trình viễn thông bắt buộc công bố sự phù hợp”, doanh nghiệp phải thực hiện công bố sự phù hợp theo quy định tại Mục 2 Chương II của Thông tư này.

4. Đối với các công trình viễn thông không thuộc “Danh mục công trình viễn thông bắt buộc kiểm định” và “Danh mục công trình viễn thông bắt buộc công bố sự phù hợp”, khuyến khích doanh nghiệp tự nguyện áp dụng công bố sự phù hợp trước khi đưa công trình viễn thông vào sử dụng và chịu trách nhiệm về chất lượng công trình theo các tiêu chuẩn công bố.

Chương II KIỂM ĐỊNH VÀ CÔNG BỐ SỰ PHÙ HỢP

Mục 1 QUY ĐỊNH VỀ KIỂM ĐỊNH

Điều 7. Nội dung kiểm định

1. Nội dung kiểm định là các yêu cầu về an toàn chuyên ngành kỹ thuật viễn thông được quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành hoặc quy định bắt buộc áp dụng, bao gồm các tiêu chí về an toàn trong trường bức xạ tần số vô tuyến điện và các tiêu chí an toàn khác theo quy định.

2. Việc kiểm định công trình viễn thông không thay thế và không làm giảm trách nhiệm của doanh nghiệp đối với chất lượng, an toàn công trình viễn thông theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Các trường hợp công trình viễn thông phải kiểm định

1. Công trình viễn thông lắp đặt mới.

Đối với công trình viễn thông lắp đặt mới thuộc “Danh mục công trình viễn thông bắt buộc kiểm định”, doanh nghiệp phải hoàn thiện hồ sơ hợp lệ được quy định tại khoản 1 Điều 10 của Thông tư này và gửi đến tổ chức kiểm định trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày đưa công trình vào khai thác sử dụng.

2. Các trường hợp công trình viễn thông phải kiểm định lại:

a) Giấy chứng nhận kiểm định công trình viễn thông hết hiệu lực;

b) Thay đổi địa điểm lắp đặt của công trình viễn thông;

c) Lắp đặt thêm anten mới trên cùng một cột anten hoặc tại cùng vị trí mà công trình viễn thông đó đã được cấp Giấy chứng nhận kiểm định;

d) Có thay đổi cấu hình (tăng công suất bức xạ; tăng kích thước anten; thay đổi vị trí, độ cao và hướng anten) làm cho các tiêu chí về an toàn trong trường bức xạ tần số vô tuyến điện vượt quá giá trị đã được kiểm định.

Trong trường hợp công trình có thay đổi cấu hình nhưng các tiêu chí về an toàn trong trường bức xạ tần số vô tuyến điện không vượt quá giá trị đã được kiểm định thì không phải kiểm định lại, nhưng doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm đảm bảo mức an toàn bức xạ và báo cáo Tổ chức kiểm định về những thay đổi của công trình viễn thông.

Đối với công trình viễn thông phải kiểm định lại theo điểm a khoản này, doanh nghiệp phải hoàn thiện hồ sơ hợp lệ được quy định tại khoản 1 Điều 10 của Thông tư này và gửi đến tổ chức kiểm định trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày trước ngày giấy chứng nhận kiểm

định công trình viễn thông hết hiệu lực. Đối với công trình viễn thông phải kiểm định lại theo điểm b, c, d khoản này, doanh nghiệp phải hoàn thiện hồ sơ hợp lệ được quy định tại khoản 1 Điều 10 của Thông tư này và gửi đến tổ chức kiểm định trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày có thay đổi.

Điều 9. Các bước kiểm định

1. Đo kiểm định công trình viễn thông;
2. Thẩm định, đánh giá sự phù hợp của hồ sơ đăng ký kiểm định công trình viễn thông;
3. Cấp Giấy chứng nhận kiểm định công trình viễn thông (theo Mẫu 1 tại Phụ lục I của Thông tư này).

Điều 10. Thủ tục kiểm định

1. Hồ sơ đăng ký kiểm định công trình viễn thông bao gồm:
 - a) Đơn đề nghị kiểm định công trình viễn thông;
 - b) Kết quả đo kiểm định còn giá trị;
 - c) Báo cáo mô tả kỹ thuật cơ bản của công trình viễn thông;
 - d) Báo cáo về sự thay đổi đối với các trường hợp quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 8 của Thông tư này;
 - đ) Các tài liệu mô tả sản phẩm, hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn lắp đặt (trong trường hợp cần thiết).

2. Địa điểm tiếp nhận hồ sơ do Cục Quản lý chất lượng Công nghệ thông tin và Truyền thông thông báo.

3. Thời gian thẩm định và cấp Giấy chứng nhận kiểm định công trình viễn thông là không quá ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

4. Trong trường hợp các công trình viễn thông lắp đặt trên cùng một cột anten hoặc tại cùng vị trí thì sử dụng chung một kết quả đo kiểm và cấp chung một Giấy chứng nhận kiểm định (theo Mẫu 2 tại Phụ lục I của Thông tư này).

5. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kiểm định công trình viễn thông, Tổ chức Kiểm định có trách nhiệm thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do gửi doanh nghiệp để hoàn thiện hồ sơ hoặc có biện pháp khắc phục những điểm chưa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành hoặc quy định bắt buộc áp dụng.

Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày Tổ chức kiểm định gửi văn bản thông báo nêu trên thì doanh nghiệp phải khắc phục các tồn tại và hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu của Tổ chức Kiểm định.

6. Ngoài thời hạn quy định tại khoản 5 Điều này mà doanh nghiệp không khắc phục các tồn tại và hoàn thiện hồ sơ thì doanh nghiệp phải ngừng sử dụng công trình viễn thông.

7. Doanh nghiệp có trách nhiệm nộp phí thẩm định và lệ phí cấp Giấy chứng nhận cho Tổ chức Kiểm định theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 11. Đo kiểm phục vụ hoạt động kiểm định

1. Việc đo kiểm và lập kết quả đo kiểm phải do đơn vị đo kiểm được quy định tại khoản 2 Điều 5 của Thông tư này thực hiện. Đơn vị đo kiểm phải độc lập, khách quan với doanh nghiệp.

2. Cục Quản lý chất lượng Công nghệ thông tin và Truyền thông hướng dẫn chi tiết mẫu kết quả đo kiểm.

3. Kết quả đo kiểm có giá trị trong một trăm hai mươi (120) ngày kể từ ngày đo kiểm.

4. Đơn vị đo kiểm; Tổ chức kiểm định; Doanh nghiệp phải lưu trữ kết quả đo kiểm, tài liệu liên quan trong thời hạn tối thiểu là sáu (06) năm kể từ ngày cấp kết quả đo kiểm.

Mục 2

QUY ĐỊNH VỀ CÔNG BỐ SỰ PHÙ HỢP

Điều 12. Nội dung công bố sự phù hợp

Nội dung công bố sự phù hợp của công trình viễn thông là công bố áp dụng các tiêu chí về an toàn trong trường bức xạ tần số vô tuyến điện, tiếp đất, chống

sét được quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành hoặc quy định bắt buộc áp dụng.

Điều 13. Hình thức công bố sự phù hợp

1. Đối với công trình viễn thông thuộc danh mục nêu tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư này, doanh nghiệp phải thực hiện công bố công trình viễn thông phù hợp với các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành hoặc quy định bắt buộc áp dụng sau khi được Tổ chức kiểm định cấp Giấy chứng nhận kiểm định.

2. Đối với công trình viễn thông thuộc danh mục nêu tại khoản 3 Điều 6 của Thông tư này, doanh nghiệp phải thực hiện công bố công trình viễn thông phù hợp với các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành hoặc quy định bắt buộc áp dụng do doanh nghiệp tự đánh giá dựa trên kết quả đo kiểm được thực hiện trước khi đưa công trình vào sử dụng.

3. Đối với công trình viễn thông nêu tại khoản 4 Điều 6 của Thông tư này, doanh nghiệp tự công bố công trình viễn thông phù hợp với các tiêu chuẩn áp dụng tương ứng.

Điều 14. Quy trình, thủ tục công bố sự phù hợp

1. Hồ sơ đăng ký công bố sự phù hợp bao gồm:

a) Giấy tờ thể hiện tư cách pháp nhân của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

b) Bản công bố sự phù hợp (theo mẫu tại Phụ lục II của Thông tư này);

c) Giấy chứng nhận kiểm định (đối với công trình viễn thông thuộc danh mục nêu tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư này);

d) Kết quả tự đánh giá kèm theo kết quả đo kiểm công trình viễn thông (đối với công trình viễn thông thuộc danh mục nêu tại khoản 3 Điều 6 của Thông tư này).

2. Cục Quản lý chất lượng Công nghệ thông tin và Truyền thông là cơ quan quản lý hoạt động công bố và hướng dẫn quy trình, thủ tục, địa điểm tiếp nhận hồ sơ đăng ký công bố sự phù hợp.

Điều 15. Đo kiểm phục vụ hoạt động công bố sự phù hợp

1. Việc đo kiểm và lập kết quả đo kiểm do đơn vị đo kiểm được quy định tại khoản 3 Điều 5 của Thông tư này thực hiện hoặc do doanh nghiệp tự thực hiện.

2. Cục Quản lý chất lượng Công nghệ thông tin và Truyền thông hướng dẫn chi tiết mẫu kết quả đo kiểm.

3. Kết quả đo kiểm có giá trị trong một trăm hai mươi (120) ngày kể từ ngày đo kiểm.

Điều 16. Thời hạn giải quyết

Trong thời gian bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp đăng ký công bố sự phù hợp về việc tiếp nhận bản công bố sự phù hợp.

Trường hợp hồ sơ công bố sự phù hợp không đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Thông tư này, cơ quan quản lý thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp đăng ký công bố sự phù hợp về nội dung chưa phù hợp để hoàn thiện hồ sơ và thực hiện việc đăng ký lại.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm quản lý nhà nước về kiểm định và công bố sự phù hợp đối với công trình viễn thông

1. Cục Quản lý chất lượng Công nghệ thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

a) Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra các Tổ chức kiểm định, các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Thông tư này;

b) Tổ chức thực hiện việc kiểm tra, giám sát đối với công trình viễn thông đã được kiểm định;

c) Chủ trì hướng dẫn quy trình, thủ tục kiểm định và công bố sự phù hợp cho các đơn vị liên quan;

d) Chủ trì hướng dẫn các Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện Thông tư này;

đ) Công khai trên trang thông tin điện tử (website) về các nội dung liên quan đến kiểm định và công bố sự phù hợp, bao gồm: các Tổ chức kiểm định; cấp và thu hồi Giấy chứng nhận kiểm định; địa điểm tiếp nhận hồ sơ đăng ký công bố sự phù hợp; thông tin về hoạt động công bố sự phù hợp;

e) Tổng hợp, báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông về tình hình triển khai công tác kiểm định và công bố sự phù hợp đối với công trình viễn thông trong phạm vi cả nước theo định kỳ sáu (06) tháng hoặc đột xuất;

g) Nghiên cứu, đề xuất với Bộ Thông tin và Truyền thông những chính sách phù hợp liên quan đến kiểm định và công bố sự phù hợp đối với công trình viễn thông.

2. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

a) Phối hợp với cơ quan quản lý có thẩm quyền trong công tác kiểm định và công bố sự phù hợp đối với công trình viễn thông trên địa bàn quản lý;

b) Chủ trì kiểm tra việc thực hiện công tác kiểm định và công bố sự phù hợp đối với công trình viễn thông theo thẩm quyền trên địa bàn quản lý;

c) Tổng hợp, báo cáo Cục Quản lý Chất lượng Công nghệ thông tin và Truyền thông tình hình triển khai và kết quả công tác kiểm tra theo định kỳ sáu (06) tháng hoặc báo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý có thẩm quyền;

d) Phát hiện và phản ánh các vấn đề về an toàn kỹ thuật chuyên ngành viễn thông, báo cáo và đề xuất với Bộ Thông tin và Truyền thông các biện pháp quản lý công trình viễn thông.

Điều 18. Trách nhiệm của Tổ chức kiểm định

1. Thực hiện thẩm định, cấp và thu hồi Giấy chứng nhận kiểm định công trình viễn thông.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả kiểm định.

3. Tổ chức thực hiện giám sát công trình viễn thông đã được kiểm định nhằm bảo đảm duy trì sự phù hợp của công trình viễn thông với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn tương ứng.

4. Xây dựng cơ sở dữ liệu về công trình viễn thông đã được kiểm định.

5. Định kỳ hàng tháng tổng hợp, báo cáo Cục Quản lý chất lượng Công nghệ thông tin và Truyền thông tình hình triển khai công tác kiểm định và công tác tổ chức thực hiện giám sát công trình viễn thông.

6. Báo cáo đột xuất các nội dung có liên quan đến công tác kiểm định công

trình viễn thông theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 19. Trách nhiệm của doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp phải duy trì và bảo đảm công trình viễn thông tuân thủ theo các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành hoặc quy định bắt buộc áp dụng.

2. Thực hiện đầy đủ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc tuân thủ quy định kiểm định công trình viễn thông.

3. Thực hiện công bố sự phù hợp được quy định tại Thông tư này. Thực hiện việc công bố lại về sự phù hợp khi có thay đổi trong nội dung bản công bố sự phù hợp.

4. Trong quá trình sử dụng công trình viễn thông, khi phát hiện sự không phù hợp của các chỉ tiêu đã công bố sự phù hợp với các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn tương ứng thì phải tiến hành các biện pháp sau:

a) Kịp thời thông báo với cơ quan quản lý về sự không phù hợp;

b) Tiến hành các biện pháp khắc phục sự không phù hợp. Trong trường hợp cần thiết, tạm ngừng việc sử dụng công trình viễn thông;

c) Thông báo với các cơ quan quản lý về kết quả khắc phục sự không phù hợp và việc tiếp tục đưa công trình viễn thông vào sử dụng.

5. Báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý có thẩm quyền về các vấn đề liên quan đến công tác kiểm định và công bố sự phù hợp đối với công trình viễn thông.

Điều 20. Hướng dẫn thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/6/2009 và thay thế Quyết định số 31/2006/QĐ-BBCVT ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông ban hành Quy định về kiểm định công trình kỹ thuật chuyên ngành viễn thông.

2. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng Công nghệ thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các cơ quan đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp viễn thông và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức và cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Thông tin và Truyền thông để xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thành Hưng

Phụ lục I

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG
(kèm theo Thông tư số 09/2009/TT-BTTTT ngày 24 tháng 3 năm 2009
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

MẪU 1: áp dụng đối với một công trình viễn thông

BỘ THÔNG TIN VÀ
TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG
Số:.....
(TÊN TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH)

CHỨNG NHẬN

Tên công trình:

Địa điểm:

Đơn vị được cấp:

Thông số kỹ thuật cơ bản

Chủng loại thiết bị phát:

Số anten phát:

Số máy phát, thu - phát:

Tổng công suất phát từng anten:

Dải tần hoạt động:

Độ cao từng anten (tính từ mặt đất đến mép thấp nhất của anten):

Được Kiểm định phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn:

Công trình này có mức an toàn phơi nhiễm trường điện từ tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn trên.

TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi cấp:

Ngày cấp:

Có giá trị đến:

MẪU 2: áp dụng trong trường hợp các công trình viễn thông
lắp đặt trên cùng một cột anten

**BỘ THÔNG TIN VÀ
TRUYỀN THÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG
Số:.....
(TÊN TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH)

CHỨNG NHẬN

Tên công trình:

Địa điểm:

Đơn vị được cấp	:	(1)	(2)	(n)
Thông số kỹ thuật cơ bản	:			
Chủng loại thiết bị phát	:			
Số anten phát	:			
Số máy phát, thu-phát	:			
Tổng công suất phát từng anten	:			
Dải tần hoạt động	:			
Độ cao từng anten (tính từ mặt đất đến mép thấp nhất của anten)	:			

Được Kiểm định phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn:

Công trình này có mức an toàn phơi nhiễm trường điện từ tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn trên.

TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi cấp:

Ngày cấp:

Có giá trị đến:

Phụ lục II

MẪU BẢN CÔNG BỐ SỰ PHÙ HỢP

(kèm theo Thông tư số 09/2009/TT-BTTTT ngày 24 tháng 3 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ SỰ PHÙ HỢP

Số.....

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:

E-mail:

CÔNG BỐ:

Công trình viễn thông (tên công trình, địa điểm, kiểu, loại, nhãn hiệu, đặc trưng kỹ thuật)

.....

.....

Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật/tiêu chuẩn (số hiệu, ký hiệu, tên gọi)

.....

.....

Căn cứ Giấy chứng nhận kiểm định/Kết quả tự đánh giá sự phù hợp số:.....

..... ngày:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

09604194

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com